Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 09.04.2021 09:3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường

Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 56/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2021.

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH13 ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường,[1]

---

[1] Thông tư số 56/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường có căn cứ ban hành như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức làm việc tại các tổ chức Quản lý thị trường ở trung ương và các tổ chức Quản lý thị trường ở địa phương (sau đây gọi tắt là cơ quan Quản lý thị trường các cấp).

2. Cơ quan Quản lý thị trường các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường ở trung ương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thống nhất quản lý số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu và trang phục của lực lượng Quản lý thị trường theo quy định tại Thông tư này.

2.[2] Công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp có trách nhiệm bảo quản và sử dụng đồng bộ trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu Quản lý thị trường được cấp phát, trong các trường hợp sau:

a) Trang phục sử dụng trong đại lễ:

- Trường hợp sử dụng:

+ Dự lễ đón tiếp lãnh đạo Đảng, Nhà nước và khách quốc tế;

+ Dự lễ trao tặng, đón nhận huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự

"Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH13 ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường;"

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 56/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2021.

nhà nước, các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Đảng, Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương, Tổng cục Quản lý thị trường và chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị;

+ Dự Đại hội Đảng các cấp;

+ Dự Đại hội của các tổ chức chính trị-xã hội;

+ Dự mít tinh kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, mít tinh kỷ niệm ngày thành lập của ngành Công Thương, ngày thành lập của lực lượng Quản lý thị trường;

+ Dự hội nghị công bố quyết định bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý đối với công chức của lực lượng Quản lý thị trường;

+ Thành viên Ban Lễ tang, Ban Tổ chức lễ tang, thành viên các đoàn viếng trong lễ Quốc tang, lễ tang Nhà nước, lễ tang cho công chức Quản lý thị trường và các trường hợp lễ tang khác do Thủ trưởng đơn vị quyết định.

- Cách mang mặc:

+ Khí hậu xuân hè: Áo sơ mi ngắn tay hoặc áo sơ mi dài tay; quần âu hoặc váy (nữ); giày da; đeo cấp hiệu ve áo, vai áo, biển hiệu; cravat ngành; mũ kê-pi (nam), mũ mềm (nữ);

+ Khí hậu thu đông: Áo sơ mi dài tay hoặc áo sơ mi mặc trong áo khoác, áo khoác; quần âu hoặc váy (nữ); giày da; đeo cấp hiệu ve áo, vai áo, biển hiệu; cravat ngành; mũ kê-pi (nam), mũ mềm (nữ);

b) Trang phục thường dùng:

- Trường hợp sử dụng:

+ Làm việc tại công sở;

+ Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát thị trường, thanh tra chuyên ngành;

+ Dự cuộc họp, hội nghị liên quan đến công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, thanh tra chuyên ngành;

+ Tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý thị trường trong ngành tổ chức;

+ Tham gia hoạt động của Bộ, Tổng cục, đơn vị thuộc Bộ, các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục, khi có yêu cầu mặc trang phục ngành;

- Cách mang mặc:

+ Khí hậu xuân hè: Áo sơ mi ngắn tay hoặc áo sơ mi dài tay; quần âu hoặc váy (nữ); giày da; đeo cấp hiệu ve áo, vai áo, biển hiệu.

+ Khí hậu thu đông: Áo sơ mi dài tay hoặc áo sơ mi mặc trong áo khoác, áo khoác; quần âu hoặc váy (nữ); giày da; cấp hiệu ve áo, vai áo, biển hiệu. Tuỳ điều kiện thời tiết, tính chất công việc, công chức Quản lý thị trường có thể mặc

thêm áo gi-lê, áo gió. Trường hợp khí hậu giá rét, công chức Quản lý thị trường có thể thay thế áo khoác bằng áo măng tô hoặc áo bông, mũ bông.

c) Trường hợp cần thiết, Tổng cục Quản lý thị trường quy định cụ thể thời gian mang mặc và các loại trang phục trong đại lễ và trang phục thường dùng của lực lượng Quản lý thị trường đảm bảo phù hợp quy định của Thông tư này và điều kiện thực tiễn.

3.[3] Công chức Quản lý thị trường không bắt buộc mặc trang phục Quản lý thị trường trong các trường hợp sau:

- Công chức khi được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm tra, xác minh thông tin, giám sát mà theo yêu cầu công tác phải giữ bí mật;

- Công chức khi đi giao dịch, làm việc với các cơ quan, tổ chức ngoài ngành không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này hoặc tham dự các lớp học, tập huấn, đào tạo do ngoài ngành tổ chức mà không yêu cầu mặc trang phục ngành;

- Công chức nữ đang mang thai;

- Công chức chưa được cấp trang phục Quản lý thị trường.

4. Thu hồi biển hiệu, cấp hiệu:

a) Biển hiệu bị thu hồi, tiêu hủy khi công chức chuyển công tác, nghỉ hưu, nghỉ việc, bị buộc thôi việc, khi được cấp lại hoặc bị hỏng;

b) Cấp hiệu đã cấp phát bị thu hồi khi công chức bị buộc thôi việc, được cấp thay thế theo niên hạn, được cấp lại do bị hỏng, được cấp mới do thay đổi về chức vụ lãnh đạo hoặc thay đổi về ngạch công chức.

5. Công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp đã nghỉ hưu, nghỉ việc chỉ được sử dụng phù hiệu, cấp hiệu, trang phục Quản lý thị trường trong các ngày kỷ niệm, ngày lễ và sự kiện truyền thống của lực lượng Quản lý thị trường.

Chương II
MẪU, QUY CÁCH, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG SỐ HIỆU, BIỂN HIỆU, PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU, CẤP HIỆU VÀ TRANG PHỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Mục 1. MẪU, QUY CÁCH, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG SỐ HIỆU, BIỂN HIỆU, PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU, CẤP HIỆU

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 56/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2021.

Điều 4. Số hiệu của công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp

1. Số hiệu công chức Quản lý thị trường gồm hai phần, phần đầu là số hiệu của cơ quan Quản lý thị trường ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc cơ quan Quản lý thị trường ở trung ương; phần thứ hai gồm chữ "QLTT" và dãy số tự nhiên là số được cấp cho từng công chức; hai phần được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-). Mẫu số hiệu Quản lý thị trường được thể hiện tại mục 5 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mỗi công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp được cấp một số hiệu công chức, số hiệu công chức đồng thời là số hiệu ghi trên biển hiệu Quản lý thị trường và số Thẻ kiểm tra thị trường của công chức.

Điều 5. Biển hiệu Quản lý thị trường

1. Biển hiệu Quản lý thị trường cấp cho công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường được đeo ở ngực trái trang phục Quản lý thị trường.

2. Biển hiệu Quản lý thị trường có chất liệu bằng kim loại mạ màu vàng dày 1,5mm, kích thước 8,5cm x 2,5cm; nền biển hiệu màu xanh đen, mặt trên phủ nhựa trong. Phía bên trái (nhìn từ hướng đối diện) có hình phù hiệu Quản lý thị trường, kích thước 1,5cm x 1,5cm; phía bên phải ghi họ và tên và số hiệu công chức, chữ in hoa chữ màu vàng. Xung quanh có đường viền nhỏ màu vàng, độ rộng đường viền là 1,2mm; phía sau có ghim cài vào áo.

2. Mẫu biển hiệu Quản lý thị trường được thể hiện tại hình 1 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp số hiệu, biển hiệu Quản lý thị trường

1. Hồ sơ đề nghị cấp lần đầu số hiệu công chức, cấp lần đầu biển hiệu Quản lý thị trường bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lần đầu số hiệu công chức, cấp lần đầu biển hiệu Quản lý thị trường và danh sách đề nghị cấp lần đầu số hiệu công chức, cấp lần đầu biển hiệu Quản lý thị trường theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao được chứng thực quyết định tuyển dụng, tiếp nhận vào làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường và 01 (một) bản sao được chứng thực quyết định về ngạch công chức hiện tại của công chức có xác nhận sao y bản chính của cơ quan sử dụng công chức.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày công chức được tuyển dụng, tiếp nhận làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp, thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Quản lý thị trường ở trung ương và thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập hồ sơ đề nghị cấp lần đầu số hiệu, cấp lần đầu biển hiệu đối với công chức của đơn vị đề nghị Tổng

cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường quyết định cấp số hiệu, biển hiệu cho công chức được đề nghị; trường hợp không cấp số hiệu, biển hiệu phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Cấp lại biển hiệu Quản lý thị trường và hồ sơ đề nghị cấp lại:

a) Biển hiệu được cấp lại khi có thay đổi về nội dung ghi trên biển hiệu, bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại biển hiệu gồm văn bản đề nghị cấp lại biển hiệu và danh sách đề nghị cấp lại biển hiệu Quản lý thị trường có ghi rõ lý do đề nghị cấp lại. Mẫu danh sách đề nghị cấp lại biển hiệu theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Thủ tục cấp lại biển hiệu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 7. Phù hiệu Quản lý thị trường, biểu tượng (lô-gô) của lực lượng Quản lý thị trường[4]

1. Mẫu phù hiệu Quản lý thị trường được thể hiện tại hình 2a Phụ lục I kèm theo Thông tư này và được sử dụng để gắn, in, thêu, đúc trên cấp hiệu ve áo, biển hiệu, cờ hiệu, Thẻ kiểm tra thị trường, ấn chỉ Quản lý thị trường, giấy tờ công vụ, vật lưu niệm của cơ quan Quản lý thị trường và trên các phương tiện phục vụ hoạt động công vụ của cơ quan Quản lý thị trường các cấp.

2. Mẫu phù hiệu Quản lý thị trường gắn cành tùng được thể hiện tại hình 2b Phụ lục I kèm theo Thông tư này và được sử dụng để gắn trên mặt trước mũ kê pi, mũ mềm; in, gắn, đúc trên các vật phẩm phục vụ công tác tuyên truyền, hội nghị, hội thảo và các sự kiện khác của cơ quan Quản lý thị trường; được gắn, đặt ở vị trí trang trọng tại trụ sở, trên biển hiệu cơ quan Quản lý thị trường các cấp.

3. Biểu tượng (lô-gô) của lực lượng Quản lý thị trường gồm 2 phần: Phần nền màu xanh đen hình khiên có: phần chữ "DMS" và chữ "M"cách điệu màu vàng. Tuỳ theo màu sắc của vật gắn lô-gô, phần nền có thể bổ sung thêm viền màu vàng.

Mẫu Lô-gô nhận diện của lực lượng Quản lý thị trường được thể hiện tại hình số 2c Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Cờ hiệu Quản lý thị trường

1. Mẫu cờ hiệu Quản lý thị trường được thể hiện tại hình 3 Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này.

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 56/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2021.

2. Cờ hiệu Quản lý thị trường được treo, đặt ở vị trí trang trọng tại phòng làm việc của lãnh đạo cơ quan Quản lý thị trường các cấp, tại phòng họp, hội trường cơ quan Quản lý thị trường các cấp, tại các cuộc họp sơ kết, tổng kết, hội nghị chuyên đề và các cuộc họp trọng thể khác của cơ quan Quản lý thị trường; được gắn, cắm trên các phương tiện phục vụ hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và được sử dụng trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cấp hiệu Quản lý thị trường

1. Mẫu cấp hiệu Quản lý thị trường gắn trên ve áo được thể hiện tại hình 4a Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. Mẫu cấp hiệu Quản lý thị trường gắn trên vai áo được thể hiện tại hình 4b Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cấp hiệu Quản lý thị trường được cấp cho công chức 01 bộ/02 năm, trường hợp cấp hiệu bị hư hỏng, bị mất thì được cấp lại và được cấp phát bổ sung khi thay đổi chức vụ lãnh đạo, ngạch công chức Quản lý thị trường.

Mục 2. MẪU, QUY CÁCH, TIÊU CHUẨN, NIÊN HẠN CẤP PHÁT TRANG PHỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Điều 10. Mẫu, quy cách trang phục Quản lý thị trường[5]

1. Áo sơ mi cho nam và áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nam:

a) Áo sơ mi ngắn tay cho nam:

Màu sắc: xanh nhạt. Kiểu áo sơ mi ngắn tay, cửa tay may gấp 2,5cm, cổ đứng, vạt áo buông bỏ trong quần, mỗi bên đầu cổ thùa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Ngực có 2 túi ốp nổi, giữa túi có đố, đáy túi vát góc, nắp túi vát góc, có cài bút, hai cạnh giữa nắp túi có đính 1 cúc. Trên gáy nắp túi bên trái thùa 2 khuyết ngang để đeo biển hiệu. Nẹp áo bên thùa khuyết may nẹp bong, áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo, đường kính 10 mm. Tay áo bên trái có gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu.

Mẫu sơ mi ngắn tay cho nam được thể hiện tại hình số 1a Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Áo sơ mi dài tay cho nam:

Màu sắc: xanh nhạt. Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ đứng, vạt áo buông bỏ

---

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 56/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2021.

trong quần, mỗi bên đầu cổ thùa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Ngực có 2 túi ốp nổi, giữa túi có đố, đáy túi vát góc, nắp túi vát góc, có cài bút, giữa nắp túi có đính 1 cúc.Trên gáy nắp túi bên trái thùa 2 khuyết ngang để đeo biển hiệu. Nẹp áo bên thùa khuyết may nẹp bong, áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo, đường kính cúc 10 mm. Tay áo có thép tay, măng séc cài cúc. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu.

Mẫu áo sơ mi dài tay cho nam được thể hiện tại hình số 1b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Áo sơ mi trong áo khoác cho nam:

Màu sắc: xanh nhạt. Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ đứng, vạt áo buông bỏ trong quần. Ngực áo bên trái có một túi ốp nổi không nắp, có cài bút, đáy túi vát góc. Nẹp áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo. Tay áo có thép tay và măng séc cài cúc.

Mẫu áo sơ mi trong áo khoác cho nam được thể hiện tại hình số 1c Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Áo sơ mi và áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nữ

a) Áo sơ mi ngắn tay cho nữ:

Màu sắc: xanh nhạt. Kiểu áo sơ mi ngắn tay, cửa tay lơ-vê, cổ bẻ 2 ve, gấu may 2 cm, áo bỏ ngoài quần. Hai bên đầu cổ thùa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Thân trước có chiết ly ben, chiết ly eo, có hai túi dưới ốp nổi, đáy túi lượn tròn, nắp túi giả vát cạnh chữ V. Trên ngực trái thùa 2 khuyết ngang để đeo biển hiệu. Nẹp áo cài 5 cúc bằng nhựa đường kính 10 mm. Thân sau may liền có chiết ly eo sau. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường.

Mẫu áo sơ mi ngắn tay cho nữ được thể hiện tại hình số 2a Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Áo sơ mi dài tay cho nữ:

Màu sắc: xanh nhạt. Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ bẻ 2 ve, tay áo có măng séc cài cúc, gấu may bỏ ngoài quần. Hai bên đầu cổ thùa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Thân trước có chiết ly ben, chiết ly eo, có hai túi dưới ốp nổi, đáy túi lượn tròn, nắp túi giả vát cạnh chữ V. Trên ngực trái thùa 2 khuyết ngang để đeo biển hiệu. Nẹp áo cài 5 cúc bằng nhựa đường kính 10 mm. Thân sau may liền có chiết ly eo sau. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường.

Mẫu áo sơ mi dài tay cho nữ được thể hiện tại hình số 2b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nữ:

Màu sắc: xanh nhạt. Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ đứng, vạt buông bỏ trong

quần. Thân trước có chiết ly ben và ly eo, nẹp áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo. Tay áo có măng-séc cài cúc.

Mẫu áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nữ được thể hiện tại hình số 2c Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Áo khoác cho nam:

a) Hình dáng bên ngoài:

Màu áo: xanh đậm. Kiểu áo khoác ngoài, cổ bẻ 2 ve. Mỗi bên đầu cổ áo thùa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Thân trước bên trái thùa 2 khuyết phía trên nắp túi để đeo biển hiệu. Thân trước trên ngực có 2 túi ốp nổi phía trên, giữa túi có súp, đáy túi vát góc, trên nắp túi bên trái có cài bút, cạnh nắp túi lượn tròn cài cúc. Túi ngực thân trước bên trái có gài bút. Thùa 2 khuyết ngang trên ngực trái phía trên nắp túi để đeo biển hiệu. Cúc túi trên đường kính 18 mm, cúc túi dưới đường kính 22 mm. Nẹp áo cài 4 cúc đường kính 22 mm. Cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng khâu liền thân áo, túi áo. Túi dưới bổ cơi chìm, có nắp túi lượn cánh én, có cài khuy nắp túi. Thân sau có sống sau sẻ dưới. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Tay dài 2 mang có xẻ cửa tay giả, mỗi bên đính 4 cúc kim loại màu vàng đường kính 15 mm. Tay áo bên trái gắn Lô-gô lực lượng Quản lý thị trường;

b) Hình dáng bên trong:

Áo có lót thân cùng màu vải chính, thân trước có 2 túi lót.

Mẫu áo khoác cho nam được thể hiện tại hình số 3 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Áo khoác cho nữ:

a) Hình dáng bên ngoài:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu áo khoác ngoài, cổ bẻ 2 ve. Mỗi bên đầu cổ áo thùa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Thân trước phía dưới có hai túi cơi bổ chìm 1 cm, có nắp túi, cài khuy, cạnh nắp túi lượn tròn cài cúc đường kính 18 mm. Nẹp áo cài 4 cúc đường kính 22 mm. Cúc áo bằng kim loại màu vàng khâu liền thân áo. Thân sau có sống sau, xẻ dưới. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Tay dài 2 mang quây tròn, đính 3 cúc kim loại mạ màu vàng đường kính 15 mm. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường.

b) Hình dáng bên trong:

Áo có lót thân cùng màu vải chính. thân trước bên phải có 1 túi lót.

Mẫu áo khoác cho nữ được thể hiện tại hình số 4 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Áo măng tô, áo bông, áo gi-lê, áo gió:

a) Áo măng tô:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu áo khoác ngoài dài ngang gối, cổ 2 ve. Mỗi bên

đầu cổ áo thùa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Thân sau có đề cúp và cầu vai diễu 0.5 cm. Thân trước phía trên bên trái thùa 2 khuyết ngang để đeo biển hiệu. Thân trước phía dưới có hai túi cơi bổ chéo, 2 bên sườn có dây đỉa chặn ngang eo áo để thắt dây đai. Khóa đai áo bằng nhựa. Nẹp áo có đính 4 cúc đường kính 22 mm, thân sau phía dưới có sống và xẻ sau. Tay áo được thiết kế kiểu tay 2 mang, có cá tay có đính cúc đường kính 15 mm. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Tay áo bên trái gắn lô-gô lực lượng Quản lý thị trường. Áo có lót thân cùng màu vải chính, thân trước có túi lót.

Mẫu áo măng tô được thể hiện tại hình số 5a Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Áo gi-lê:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu áo gi-lê 3 lớp. Cổ áo có 2 lớp, lớp ngoài kiểu cổ bẻ, lớp trong may liền với khóa nẹp. Đầu cổ lớp ngoài mỗi bên thùa 2 khuyết đeo phù hiệu. Thân trước may khóa có nẹp che, 2 đầu dính nhám, phía dưới có hai túi cơi chéo. Sườn áo có gắn cá sườn. Lần áo lót được trần bông bằng các đường chỉ song song đều đặn chắc chắn. Tay áo bên trái gắn Lô-gô lực lượng Quản lý thị trường.

Mẫu áo gi-lê được thể hiện tại hình số 5b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Áo gió:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu áo mặc ngoài mùa đông được thiết kế kiểu tay thường. Có mũ, chân mũ có khóa cài vào cổ áo, đầu mũ có 2 dây rút, 2 cạnh mũ có dán nhám. Thân trước có 2 túi cơi. Nẹp áo được mở suốt bằng khóa, kéo dài lên tới cạnh trên cổ áo. Khóa áo có nẹp che khóa được dán nhám 2 đầu. Lần áo lót bên trong thân trước có 1 túi cơi, dán nhám ở miệng cơi. Tay áo có cửa tay dán nhám điều chỉnh. Gấu áo có dây luồn dây rút. Tay áo bên trái gắn Lô-gô lực lượng Quản lý thị trường.

Mẫu áo gió được thể hiện tại hình số 5c Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Áo bông:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu áo khoác lửng dài tay 3 lớp. Cổ áo 2 lớp, lớp ngoài cổ bẻ có ve chữ V, đầu cổ áo thùa khuyết đeo cấp hiệu; lớp cổ trong may khóa kéo kín cổ. Thân trước trên ngực có 2 túi ốp nổi, cạnh nắp túi lượn tròn cài cúc đường kính 15mm bằng kim loại; phía dưới có 2 túi bổ cơi chéo. Nẹp áo bên trong may khóa kéo, nẹp che ngoài có 4 cúc đường kính 22 mm. Thân sau áo có súp cầu vai, có đỉa sườn để luồn dây đai. Đai áo có khóa nhựa. Vai áo có bật vai. Tay áo kiểu 2 mang, có gắn cá cửa tay đính cúc kim loại đường kính 15mm. Tay áo bên trái gắn Lô-gô lực lượng Quản lý thị trường.

Lần áo lót trần bông, thân trước bổ 2 túi lót có khóa kéo. Tay áo lót bên trong có chun bo cửa tay.

Mẫu áo bông được thể hiện tại hình số 6 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Quần âu cho nam:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu quần âu dài, có 2 túi chéo dọc quần, cửa quần khóa kéo. Thân trước xếp 1 ly lật về phía sườn. Thân sau chiết 1 ly, có 1 túi hậu. Cạp quần có 6 dây để luồn dây lưng. Cạp quần có quai nhê.

Mẫu quần âu cho nam được thể hiện tại hình số 7 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Quần âu cho nữ:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu quần âu ống đứng, có 2 túi chéo dọc quần, cửa quần khóa kéo. Thân trước và thân sau chiết ly. Cạp quần có quai nhê.

Mẫu quần âu cho nữ được thể hiện tại hình số 8 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Chân váy cho nữ:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu váy ôm hoặc hơi xuông, cạp rời. Thân trước liền, thân sau cắt rời thành 2 mảnh. Thân sau tra khóa giọt lệ và có xẻ sau. Thân trước và thân sau mỗi bên chiết 1 ly. Váy có lót, lót váy xếp ly trùng với chiết ly lần ngoài.

Mẫu chân váy cho nữ được thể hiện tại hình số 9 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Mũ kê-pi (cho nam), mũ mềm (cho nữ), mũ bông, cà vạt:

a) Mũ kê-pi (cho nam):

Màu sắc: xanh đậm, thành mũ màu xanh nhạt. Kiểu mũ vành cong, có lưỡi trai, có thành mũ, phần thành mũ phía trán có gắn dây coóc-đông màu vàng hai đầu dây có cúc chốt kim loại màu vàng có ngôi sao 5 cánh nổi. Chính giữa thành mũ có lỗ để gắn sao phù hiệu liền cành tùng.

Mẫu mũ kê-pi (cho nam) được thể hiện tại hình số 10a Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Mũ mềm (cho nữ):

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu mũ vải, đỉnh mũ hình tròn, thành mũ được chia làm 2 phần: phần trên gắn với đỉnh mũ hai bên có gắn 2 lỗ ôzê thoát khí, chính giữa trán có gắn ôzê để gắn sao phù hiệu liền cành tùng; phần dưới gắn với vành mũ, phần thành mũ phía trước có gắn dây coóc đông màu vàng; hai đầu dây có cúc chốt kim loại màu vàng có hình ngôi sao 5 cánh nổi; vành mũ thiết kế kiểu bẻ phía sau lên thành mũ.

Mẫu mũ mềm (cho nữ) được thể hiện tại hình số 10b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Mũ bông:

Màu sắc: xanh đậm. Mũ bông kiểu 3 múi có lưỡi trai, mũ có tai che 2 bên tai và sau gáy, phía dưới bịt tai gắn dây buộc, mỗi bên che tai có 3 ôzê đột hình tam giác đều ở vị trí tai và một ôzê trên lưỡi trai để đeo phù hiệu.

Mẫu mũ bông được thể hiện tại hình số 10c Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Cà vạt:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu cà vạt có dây chun được cài móc, có khoá điều chỉnh độ dài ngắn, củ ấu được thắt sẵn có dựng bằng nhựa PVC.

Mẫu cà vạt được thể hiện tại hình số 10d Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Các loại trang bị khác:

a) Thắt lưng: Bao gồm 2 phần cốt dây và khóa.

- Dây: Mặt ngoài dây: Màu nâu đen, màu sắc đồng đều, bề mặt nhẵn, không sần sùi hoặc tách lớp; Mặt trong dây: Màu sắc đồng đều, bề mặt nhẵn hoặc nổi hoa mịn; Cạnh dây được vuốt tròn, đuôi dây cắt tròn và vuốt cạnh.

- Khoá: Bề mặt khoá nhẵn bóng, lô-gô cách điệu trên khoá cân đối rõ nét; đường viền sắc nét, gọn, dập sâu đồng đều; các mép, cạnh và lỗ gia công phải làm nhẵn, không còn ba via.

Mẫu thắt lưng cho nam, nữ được thể hiện tại hình số 11 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Giày da:

- Giày da cho nam: Da mũ giày: Da boxcal màu đen, độ dày đồng đều, độ bóng vừa phải; Da lót: Nhẵn một mặt, mềm, độ dày đồng đều; Da mặt đế: Loại da thuộc màu tự nhiên, da đanh, dẻo, thuộc chín hoàn toàn, mặt cật nhẵn, không bị dòn, gẫy, không mất cật, thủng; Độn sắt: Độn sắt bằng sắt loại chuyên dùng), độn từ gót đến phần bụng giày, được uốn theo làn cong mặt phom của phần bụng đế giày. Nẹp có 5 cặp ôzê buộc dây.

Mẫu giày da cho nam được thể hiện tại hình số 12a Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

- Giày da cho nữ: Kiểu giày xỏ thẳng, không buộc dây, bu trơn, da boscal màu đen, độ dày đồng đều, nhuộm xuyên, mềm, vân da mịn. Đế bằng cao su nhựa tổng hợp (TPR) đúc định hình màu đen, gót bằng nhựa ABS; đế, gót và diễu liền theo từng cỡ số; bụng giày đúc nổi tên đơn vị chủ quản, đơn vị sản xuất, cỡ số; mặt đế có hoa văn chống trơn.

Mẫu giày da cho nữ được thể hiện tại hình số 12b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Tất:

Tất màu xanh đậm, được dệt từ sợi Cotton/acrylic 70/30, sợi Polyamit 100

% và sợi Spandex (lycra), trong đó: Gót chân và mũi chân của bít tất được dệt từ sợi Polyamit 100 %. Toàn bộ phần còn lại của bít tất được dệt bằng sợi Cotton/acrylic 70/30, sợi Spandex (lycra); trong đó: phần mu bàn chân và ống chân dệt kiểu Rib 2/2; phần cổ chun dệt kiểu Rib 1/1; phần gan bàn chân, gót, mũi chân và phần ống thêu dệt kiểu Single.

Mẫu tất được thể hiện tại hình số 13 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Mũ bảo hiểm:

Màu sắc: xanh đậm. Kiểu mũ bảo hiểm che nửa đầu và tai, cốt mũ bằng nhựa có lưỡi trai đúc liền, bên trong có lớp xốp giảm chấn, mút xốp ốp hai vành tai quai cố định. Quai mũ được làm từ sợi polyeste trên quai có khóa bằng nhựa để cố định mũ trên đầu người sử dụng, đầu quai mũ được liên kết với mũ băng các chốt tán kim loại.

Mẫu mũ bảo hiểm được thể hiện tại hình số 14 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này

đ) Cặp tài liệu:

Cặp tài liệu màu đen, có khóa số, độ dày 1,4mm - 1,6 mm. Có quai xách, dây đeo. Giữa cặp có hình phù hiệu của lực lượng Quản lý thị trường.

Mẫu cặp tài liệu được thể hiện tại hình số 15 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Tiêu chuẩn, niên hạn cấp phát trang phục đối với công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp[6]

1. Áo sơ mi ngắn tay được cấp 02 chiếc/01 năm/01 công chức. Trường hợp cấp lần đầu được cấp: 04 chiếc /01 công chức.

2. Áo sơ mi dài tay được cấp 02 chiếc/01 năm/01 công chức. Áo sơ mi mặc trong áo khoác được cấp 02 chiếc/01 năm/01 công chức. Trường hợp cấp lần đầu được cấp: 04 chiếc mỗi loại /01 công chức.

3. Áo khoác cho nam và áo khoác cho nữ: 01 chiếc/02 năm/01 công chức. Trường hợp cấp lần đầu được cấp: 02 chiếc/01 công chức.

4. Áo măng tô: 01 chiếc/04 năm/01 công chức. Công chức Quản lý thị trường làm nhiệm vụ tại các tỉnh miền núi, vùng có khí hậu lạnh được trang bị thêm áo bông: 01 chiếc/04 năm/01 công chức. Áo gi-lê, áo gió: 01 chiếc/01 năm/01 công chức.

5. Quần âu cho nam: 02 chiếc/01 năm/01 công chức. Trường hợp cấp lần

---

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 56/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2021.

đầu được cấp: 04 chiếc/01 công chức.

6. Quần âu hoặc chân váy cho nữ: 02 chiếc/01 năm/01 công chức. Trường hợp cấp lần đầu được cấp: 04 chiếc/01 công chức.

7. Cà vạt: 01 chiếc/02 năm/01 công chức. Trường hợp cấp lần đầu được cấp: 02 chiếc/01 công chức.

8. Mũ kê pi (nam), mũ mềm (nữ): 01 chiếc/04 năm/01 công chức. Công chức Quản lý thị trường làm nhiệm vụ tại các tỉnh miền núi, vùng có khí hậu lạnh được trang bị thêm mũ bông: 01 chiếc/04 năm/01 công chức.

9. Các loại trang phục khác:

a) Thắt lưng: 01 chiếc/01 năm/01 công chức. Trường hợp cấp lần đầu được cấp: 02 chiếc/01 công chức;

b) Giày da: 01 đôi/01 năm/01 công chức. Trường hợp cấp lần đầu được cấp: 02 đôi/01 công chức;

c) Tất: 04 đôi/01 năm/01 công chức;

d) Mũ bảo hiểm dùng đi xe máy: 01 chiếc/02 năm/01 công chức;

đ) Cặp tài liệu: 01 chiếc/02 năm/01 công chức.

Đối với các tỉnh, thành phố từ Đà Nẵng trở vào phía Nam, tùy điều kiện cụ thể, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh xem xét, đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường chuyển đổi tiêu chuẩn trang phục áo khoác, áo măng tô thành bộ quần âu, áo sơ mi ngắn tay hoặc bộ quần âu, áo sơ mi dài tay theo tỷ lệ đơn giá trang phục để phù hợp với điều kiện khí hậu.

Mục 3. KINH PHÍ VÀ CHẾ ĐỘ MUA SẮM, CẤP PHÁT BIỂN HIỆU, PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU, CẤP HIỆU VÀ TRANG PHỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Điều 12. Kinh phí mua sắm biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục Quản lý thị trường

1. Kinh phí mua sắm biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục của công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp nằm trong kinh phí đảm bảo hoạt động của Tổng cục Quản lý thị trường. Hằng năm, Tổng cục Quản lý thị trường lập dự toán kinh phí mua sắm biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục Quản lý thị trường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Cách thức tổ chức mua sắm và cấp phát biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục Quản lý thị trường:

a) Tổng cục Quản lý thị trường thực hiện mua sắm tập trung và quản lý cấp phát biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục cho toàn lực lượng

Quản lý thị trường.

b) Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường quy định và quyết định việc mua sắm, cấp phát trang phục của các đơn vị trực thuộc đối với những đợt mua sắm nhỏ lẻ, đột xuất để đáp ứng các yêu cầu cụ thể.

Điều 13. Chế độ mua sắm, cấp phát biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục Quản lý thị trường

1. Việc cấp phát, sử dụng biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục Quản lý thị trường phải đúng tiêu chuẩn, đối tượng, niên hạn theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu và trang phục Quản lý thị trường được cấp bị hư hỏng vì nguyên nhân khách quan thì được xem xét cấp bổ sung. Trường hợp biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu và trang phục Quản lý thị trường được cấp bị hư hỏng, mất mát không phải do nguyên nhân khách quan, không có lý do chính đáng, cá nhân phải đăng ký với cơ quan Quản lý thị trường để được cấp bổ sung và phải chịu chi phí cấp bổ sung.

3. Vải và các nguyên liệu dùng để mua sắm trang phục Quản lý thị trường đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn cụ thể do Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường công bố.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường các cấp có trách nhiệm:

a) Mở sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu và trang phục Quản lý thị trường đối với công chức thuộc đơn vị theo quy định tại Thông tư này;

b) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu và trang phục Quản lý thị trường của công chức trong đơn vị;

c) Báo cáo đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường cấp lần đầu, cấp lại số hiệu, biển hiệu đối với công chức Quản lý thị trường trong phạm vi đơn vị mình quản lý;

d) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, cấp phát số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu và trang phục Quản lý thị trường đối với công chức thuộc đơn vị.

2. Mốc thời gian để tính niên hạn cấp phát cấp hiệu, trang phục Quản lý thị trường lần sau được tính từ thời điểm cấp phát trước đó gần nhất.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

Biển hiệu đã cấp trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng tới hết ngày 30 tháng 11 năm 2019 và phải được thu hồi, tiêu hủy.

Điều 16. Hiệu lực thi hành[7]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2018.

2. Bãi bỏ Thông tư số 07/2014/TT-BCT ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quản lý sử dụng trang phục, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và Thẻ kiểm tra thị trường của Quản lý thị trường và Thông tư liên bộ số 08 TT/LB ngày 21 tháng 3 năm 1995 của Bộ Thương mại - Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ cấp phát trang phục cho cán bộ làm công tác Quản lý thị trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 12 /VBHN-BCT

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng website BCT);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG);
- Lưu: VT, TCQLTT.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

[7]Điều 2 Thông tư số 56/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2021 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2021.

2. Phụ lục I, Phụ lục III kèm theo Thông tư này thay thế Phụ lục số 01, Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./."



Phụ lục I[8]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hình 1. Biển hiệu Quản lý thị trường:



2. Hình 2. Phù hiệu Quản lý thị trường; Biểu tưởng (lô-gô) của lực lượng Quản lý thị trường:



Hình 2a



Hình 2b



Hình 2c

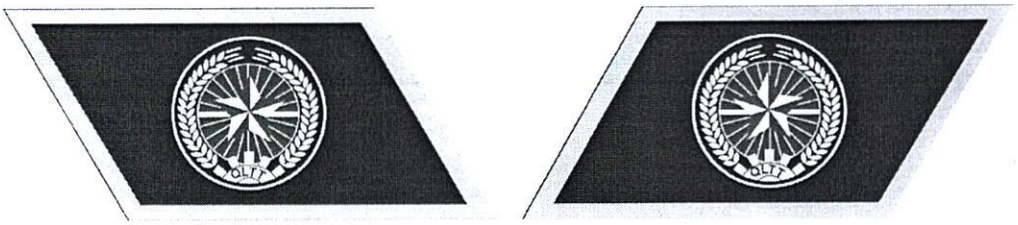
3. Hình 3. Cờ hiệu Quản lý thị trường:



[8] Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 56/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2021.

4. Hình 4. Bộ cấp hiệu Quản lý thị trường:

a) Bộ cấp hiệu gắn trên ve áo (hình 4a):



b) Bộ cấp hiệu gắn trên vai áo (hình 4b):

- Cấp hiệu gắn trên vai của công chức không giữ chức vụ lãnh đạo:



KIỂM SOÁT VIÊN CAO CẤP THỊ TRƯỜNG
VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG



KIỂM SOÁT VIÊN CHÍNH THỊ TRƯỜNG
VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG



KIỂM SOÁT VIÊN THỊ TRƯỜNG
VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG



KIỂM SOÁT VIÊN TRUNG CẤP THỊ TRƯỜNG
VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

- Cấp hiệu gắn trên vai của công chức giữ chức vụ lãnh đạo trong cơ quan Quản lý thị trường các cấp:

+ Lãnh đạo Tổng cục Quản lý thị trường (Tổng cục trưởng, Phó Tổng Cụctrưởng) gắn ba vạch:



+ Lãnh đạo đơn vị thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (Chánh Văn phòng,Phó Chánh Văn phòng; Cục trưởng, Phó Cục trưởng; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng) gắn hai vạch:



+ Lãnh đạo đơn vị trực thuộc Văn phòng Tổng cục, Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường, Cục Quản lý thị trường ở địa phương (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng; Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin truyền thông quản lý thị trường; Đội trưởng và Phó Đội trưởng Đội Quản lý thị trường) gắn một vạch:



5. Mẫu số hiệu Quản lý thị trường:

a) Số hiệu công chức thuộc các tổ chức Quản lý thị trường ở trương ương: TW-QLTT...

b) Số hiệu công chức thuộc các tổ chức Quản lý thị trường ở địa phương: T0...-QLTT...

Sốhiệu	Tên tỉnh/thành phố	Số hiệu	Tên tỉnh/thành phố
T01	Thành phố Hà Nội	T38	Gia Lai
T02	Thành phố Hồ Chí Minh	T39	Phú Yên
T03	Thành phố Hải Phòng	T40	Đắk Lắk
T04	Thành phố Đà Nẵng	T41	Khánh Hòa
T05	Thành phố Cần Thơ	T42	Lâm Đồng
T10	Hà Giang	T43	Bình Dương
T11	Cao Bằng	T44	Ninh Thuận
T12	Lai Châu	T45	Tây Ninh
T13	Lào Cai	T46	Bình Thuận
T14	Tuyên Quang	T47	Đồng Nai
T15	Lạng Sơn	T48	Long An
T16	Thái Nguyên	T49	Đồng Tháp
T17	Yên Bái	T50	An Giang

T18	Sơn La	T51	Bà Rịa - Vũng Tàu
T19	Phú Thọ	T52	Tiền Giang
T20	Quảng Ninh	T53	Kiên Giang
T21	Bắc Giang	T54	Hậu Giang
T23	Hải Dương	T55	Bến Tre
T24	Hòa Bình	T56	Vĩnh Long
T25	Nam Định	T57	Trà Vinh
T26	Thái Bình	T58	Sóc Trăng
T27	Thanh Hóa	T59	Cà Mau
T28	Ninh Bình	T60	Bắc Kạn
T29	Nghệ An	T61	Vĩnh Phúc
T30	Hà Tĩnh	T62	Bắc Ninh
T31	Quảng Bình	T63	Hưng Yên
T32	Quảng Trị	T64	Hà Nam
T33	Thừa Thiên Huế	T65	Bình Phước
T34	Quảng Nam	T66	Bạc Liêu
T35	Quảng Ngãi	T67	Điện Biên
T36	Kon Tum	T68	Đắk Nông
T37	Bình Định		

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP SỐ HIỆU, BIỂN HIỆU/CẤP LẠI BIỂN HIỆU

(Kèm theo văn bản số: .... ngày ... tháng ... năm ...)

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số ngạch hiện giữ	Chức danh/ Tên ngạch công chức hiện tại	Số hiệu công chức QLTT	Tháng năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn		Đã có chứng chỉ TCV, bồi dưỡng ngạch KSVTT...	Ghi chú (Lý do đề nghị cấp/ cấp lại)
							Vào QLTT (Tháng/năm)	Chuyên môn nghiệp vụ	Quản lý nhà nước		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	**Đề nghị cấp số hiệu, biển hiệu**										
1	Trần Văn A	Nam	10.02.1980	KSVTT-21.189	Trưởng phòng	Chưa có	10/2009	ĐHKT	CVC	TCV	Gửi kèm QĐ điều động/tuyển dụng
2	Đoàn Minh B	Nữ	11.5.1975	KSVTC-21.190	KSTCTT	Chưa có	6/2000	C. Đẳng	CV	TCV	Gửi kèm QĐ điều động/tuyển dụng
...											
II	**Đề nghị cấp lại biển hiệu**										
1	Nguyễn Minh A	Nam	15.9.1985	KSVTT-21.189	KSVTT	T22-024	5/1999	ĐH Luật	CV	TCV	Cũ hỏng/Thay đổi đơn vị công tác
2	Lê Văn X	Nam	11.5.1975	KSVTT-21.189	P. Trưởng phòng	T22-025	6/2007	ĐH Luật	CV	BDNV	Mất
...											

CỤC TRƯỞNG/VỤ TRƯỞNG
(Ký đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột số 2 và 7: Lập danh sách theo thứ tự tăng dần của số hiệu công chức (không lập theo Đơn vị Phòng/Đội hoặc chức vụ).

- Cột số 6: Ghi chức danh lãnh đạo đối với người đã được bổ nhiệm. Ghi ngạch công chức theo QĐ bổ nhiệm ngạch với người chưa được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo.

- Cột 8: Ghi cụ thể tháng/năm được tuyển dụng theo Quyết định tuyển dụng.

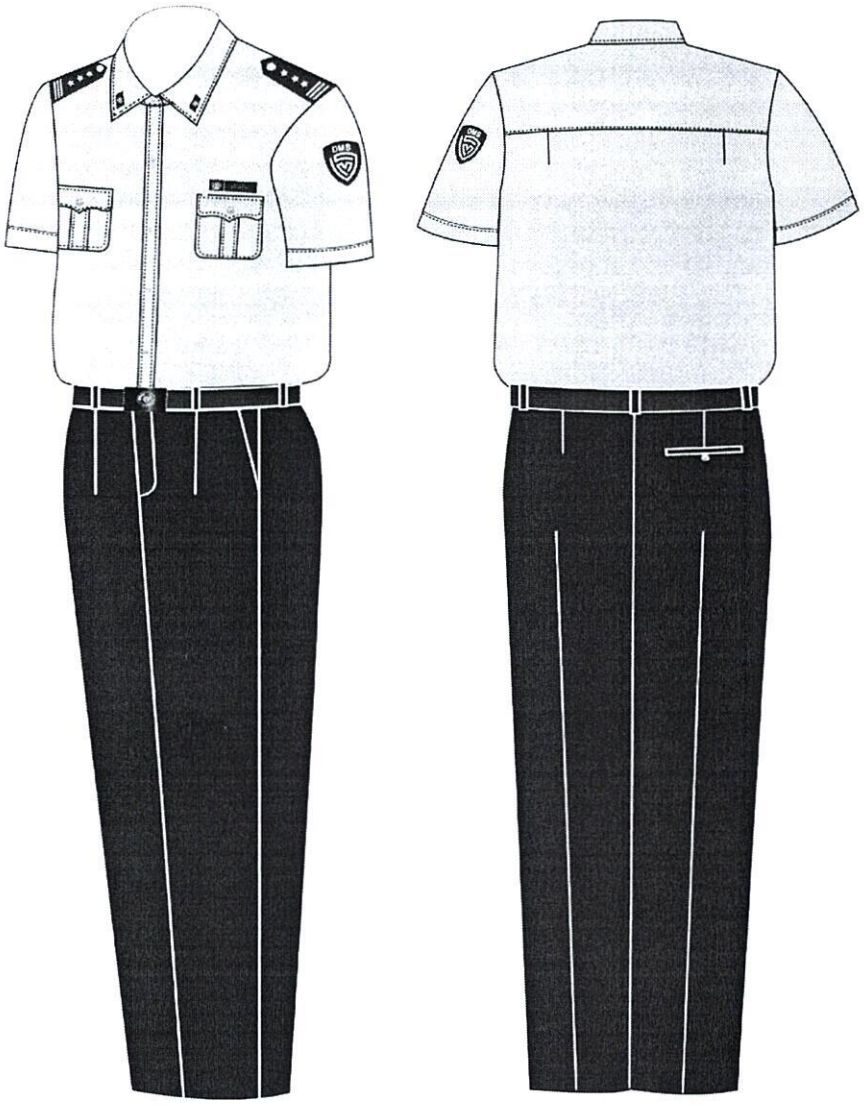
- Cột 12: Ghi cụ thể lý do đề nghị cấp lại biển hiệu.

Phụ lục III[9]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Áo sơ mi ngắn tay, áo sơ mi dài tay, áo sơ mi mặc trong áo khoác mùa đông cho nam:

Hình 1a.Áo sơ mi ngắn tay

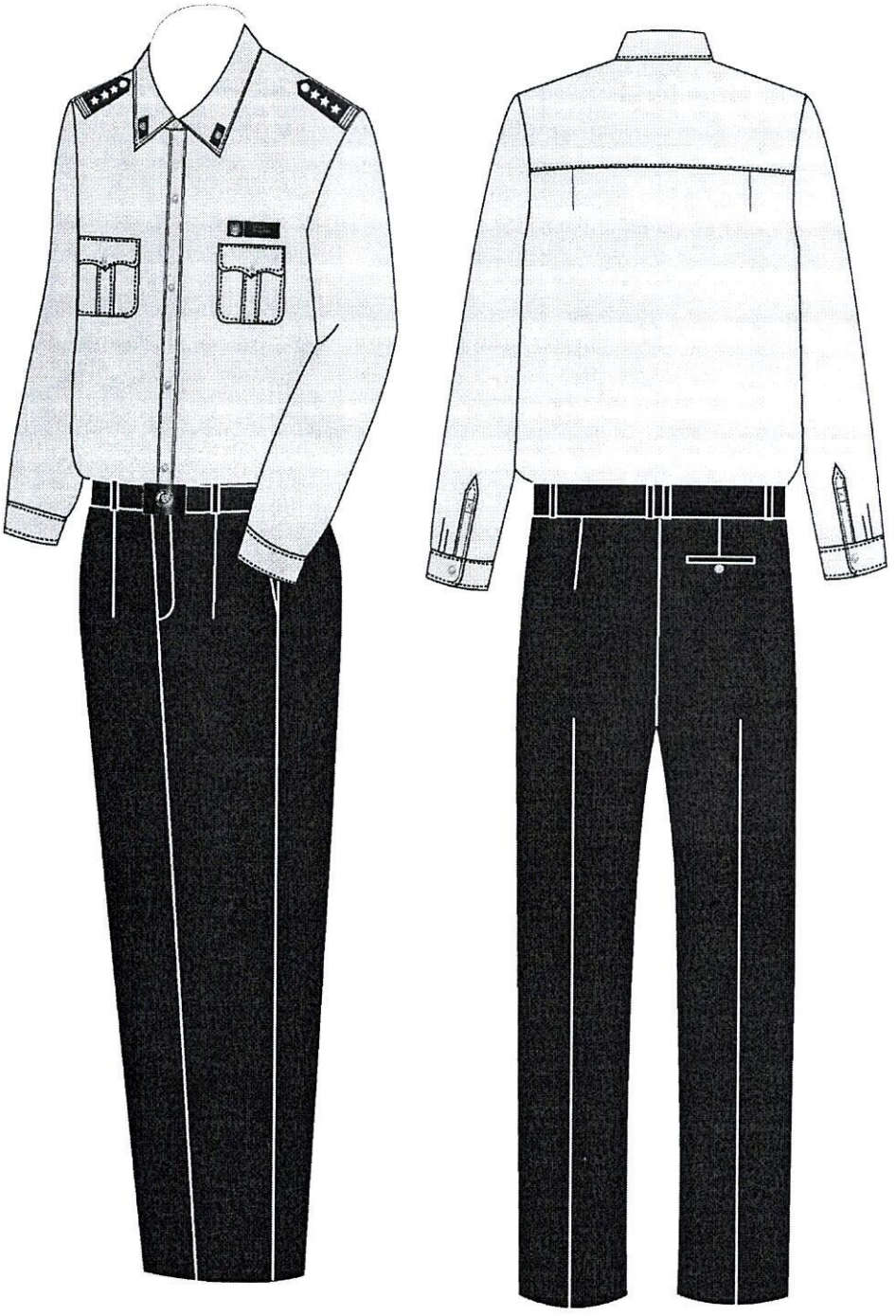


Thân trước

Thân sau

[9] Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 56/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2021.

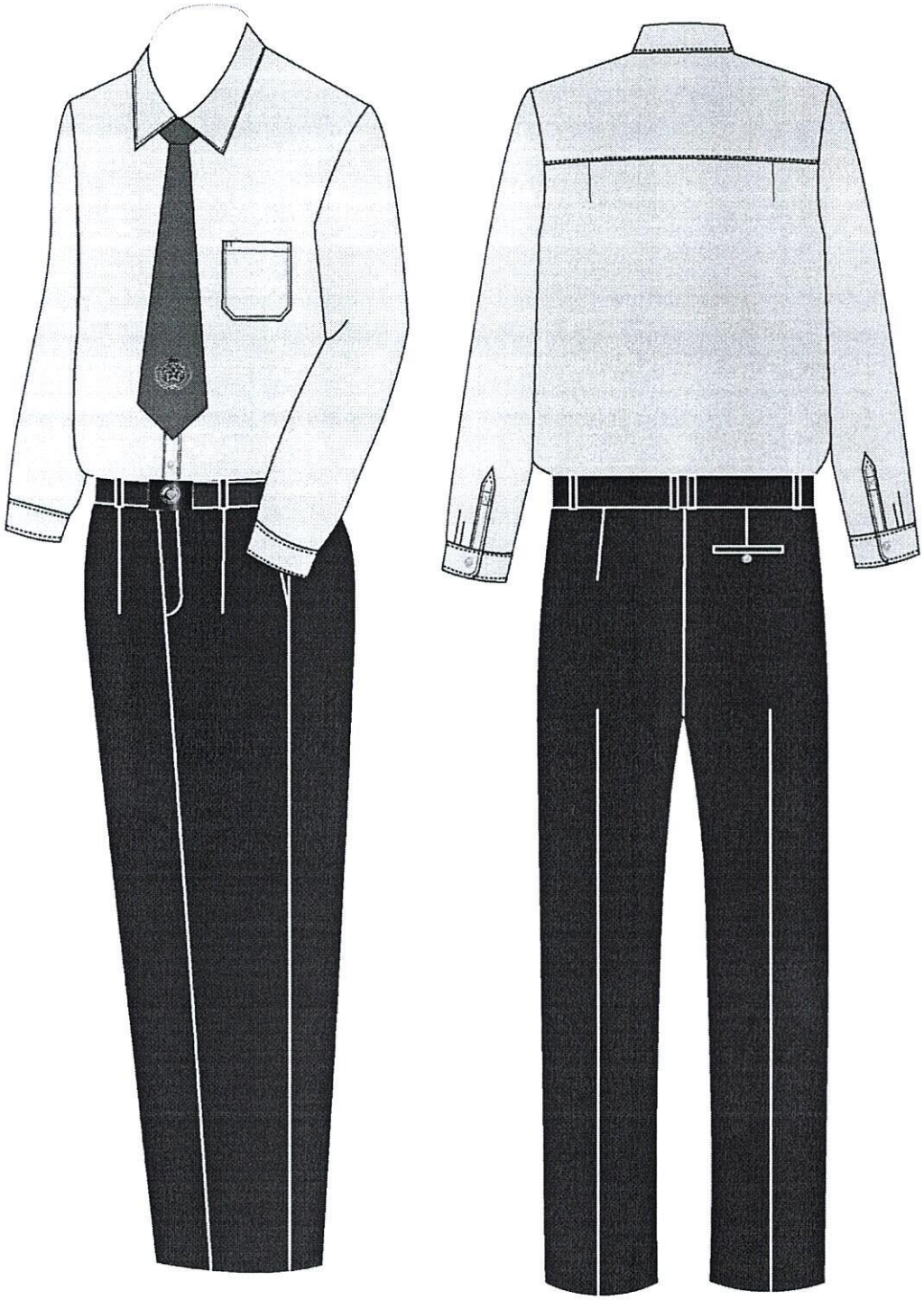
Hình 2b. Áo sơ mi dài tay



Thân trước

Thân sau

Hình 1c. Áo sơ mi mặc trong áo khoác mùa đông



Thân trước

Thân sau

2. Áo sơ mi ngắn tay, áo sơ mi dài tay, áo sơ mi mặc trong áo khoác mùa đôngcho nữ:

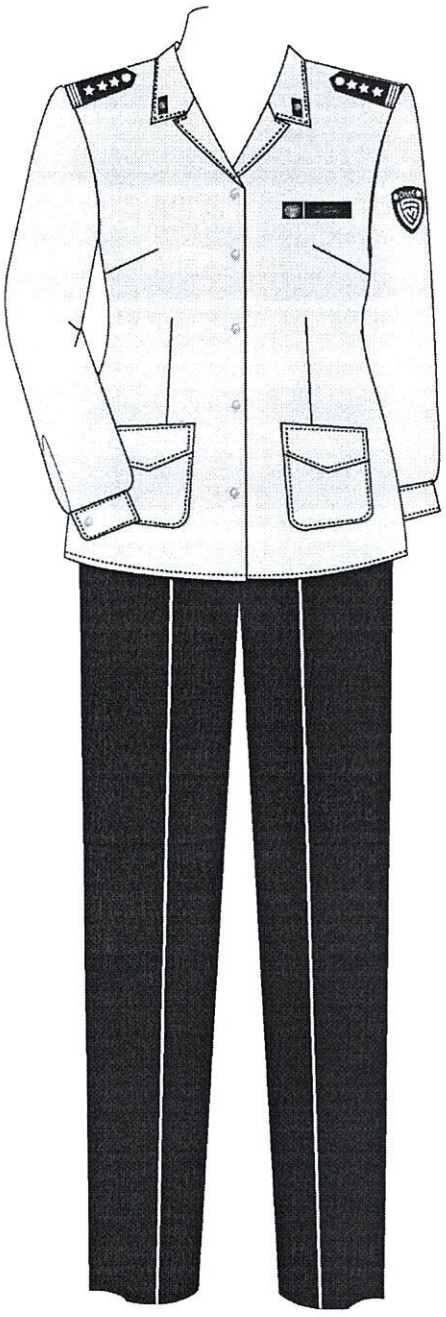
Hình 2a. Áo sơ mi ngắn tay



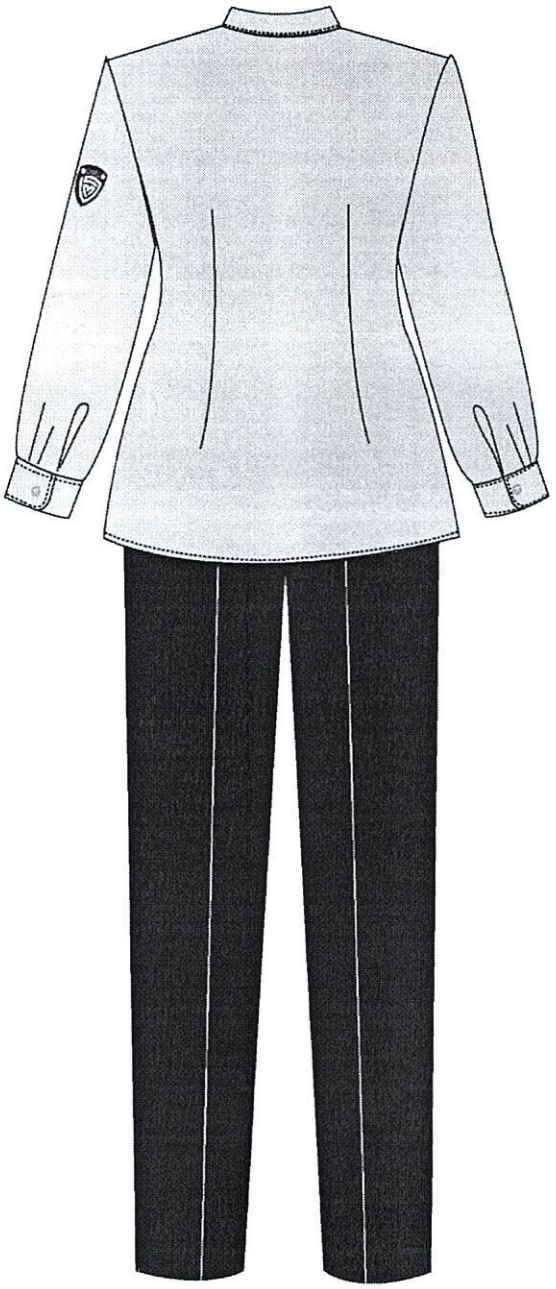
Thân trước

Thân sau

Hình 2b. Áo sơ mi dài tay

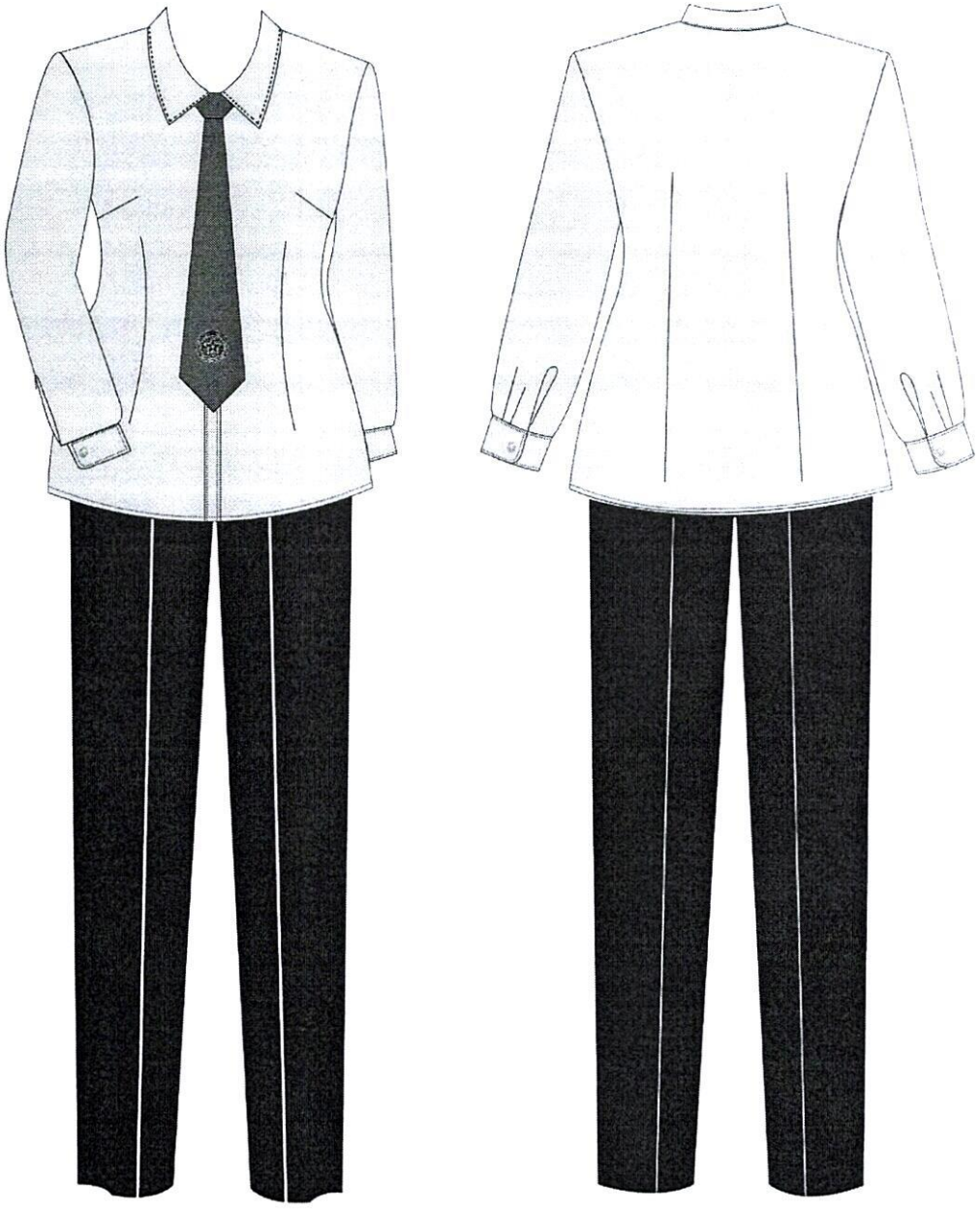


Thân trước



Thân sau

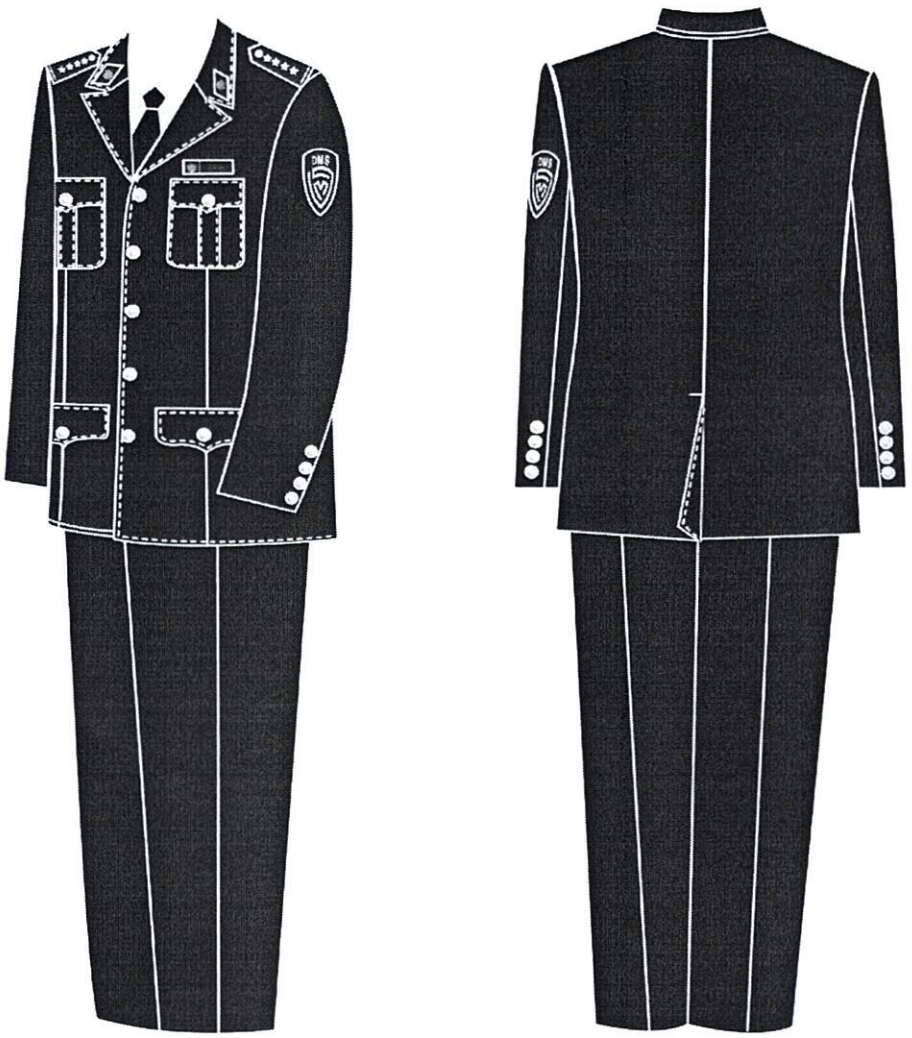
Hình 2c. Áo sơ mi mặc trong áo khoác mùa đông



Thân trước

Thân sau

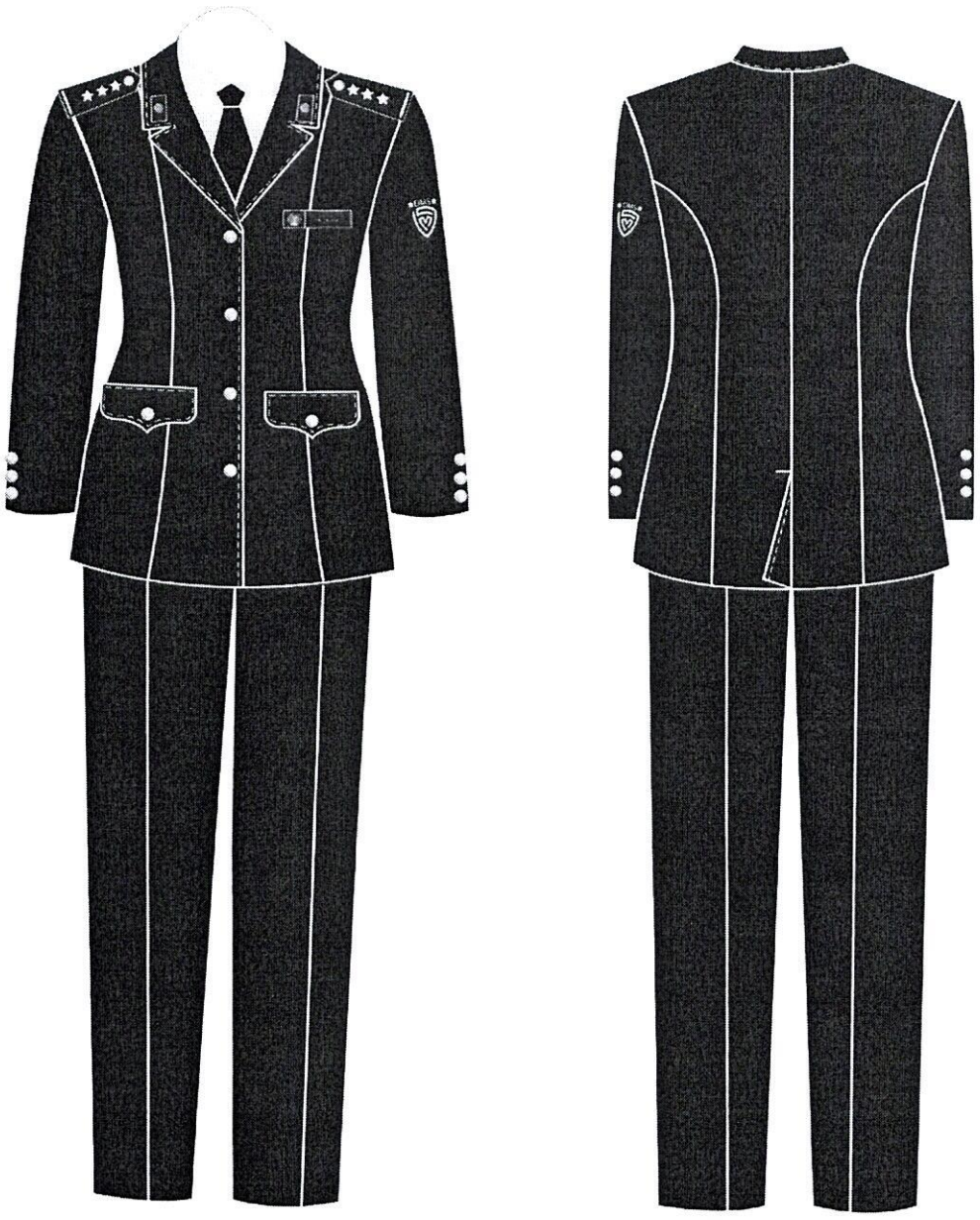
3. Hình 3. Áo khoác cho nam



Thân trước

Thân sau

4. Hình 4. Áo khoác cho nữ



Thân trước

Thân sau

5. Áo măng tô, áo gi-lê, áo gió

Hình 5a. Áo măng-tô



Thân trước

Thân sau

Hình5b. Áo gi-lê



Thân trước



Thân sau

Hình5c. Áo gió



Thân trước

Thân sau

6. Hình 6. Áo bông



Thân trước



Thân sau

7. Hình 7. Quần âu cho nam



Thân trước Thân sườn Thân sau

8. Hình 8. Quần âu cho nữ



Thân trước Thân sườn Thân sau

9. Hình 9. Chân váy

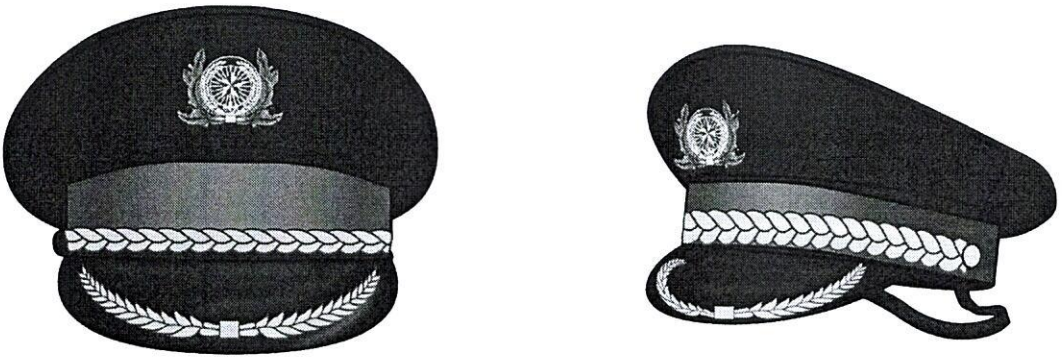


Thân trước

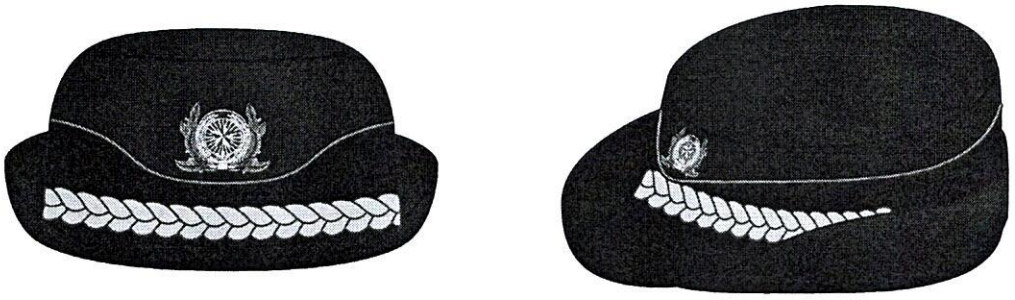
Thân sau

10. Mũ kê-pi cho nam, mũ mềm cho nữ, mũ bông và cà vạt

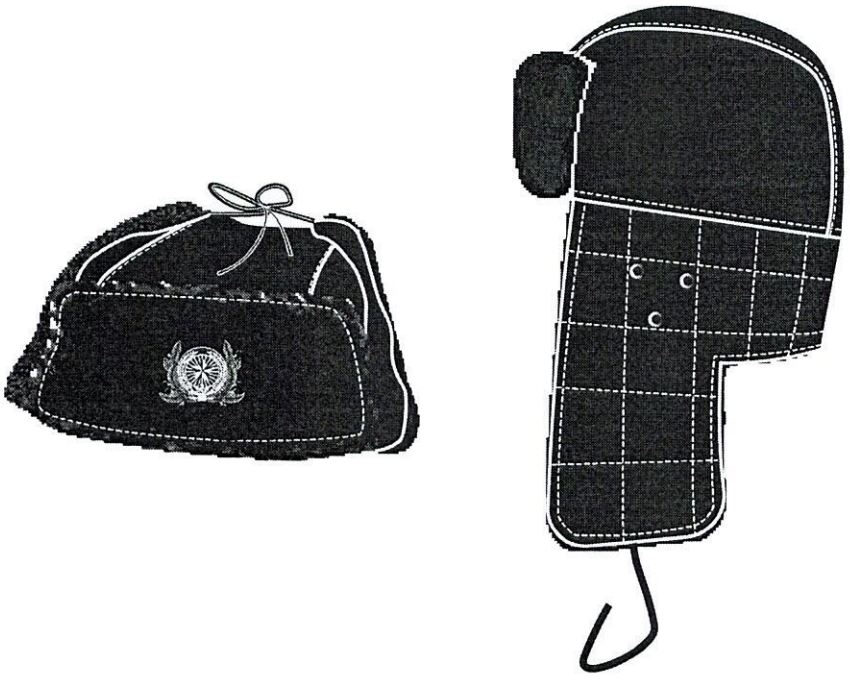
Hình 10a. Mũ kê-pi cho nam



Hình 10b. Mũ mềm cho nữ



Hình 10c. Mũ bông

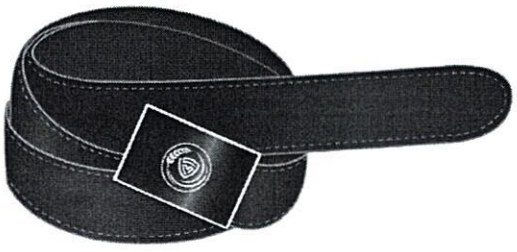


Hình 10d. Cà vạt



11. Thắt lưng

Hình 11a. Thắt lưng nam



Hình 11b. Thắt lưng nữ





12. Giày da:

Hình 12a. Giày da cho nam



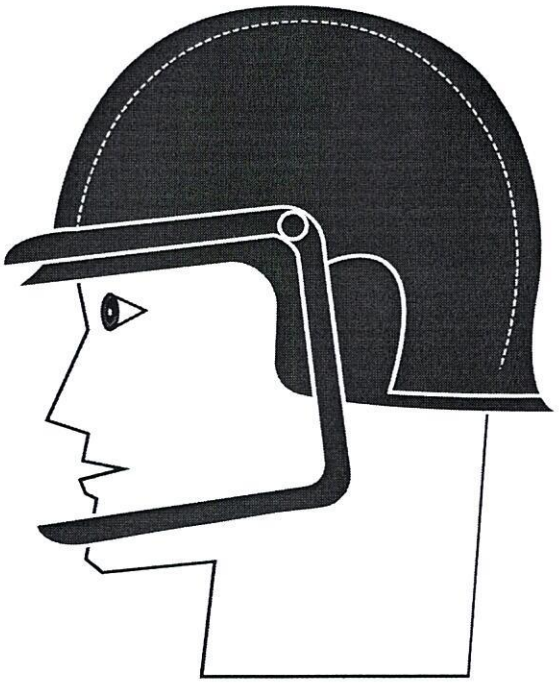
Hình 12b. Giày da cho nữ:



13. Tất



14. Hình 14. Mũ bảo hiểm



15. Hình 15. Cặp tài liệu



16. Cúc áo :

